

NGÔN NGỮ HỌC TẠO SINH CỦA N.CHOMSKY: ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC ĐÍCH

GS.TS NGUYỄN THIÊN GIÁP

Ngôn ngữ học tạo sinh do Noam Chomsky khởi xướng có ảnh hưởng to lớn đối với ngôn ngữ học thế giới, nó chiếm vị trí chủ đạo trong suốt ba thập niên 60, 70 và 80 của thế kỉ XX. Hiện nay, nhiều trường phái ngôn ngữ học xây dựng quan điểm của mình trên cơ sở đối chiếu với cách nhìn nhận vấn đề của Chomsky.

Chomsky là người Do Thái, sinh ngày 7 tháng 12 năm 1928, được đào tạo về ngôn ngữ học theo trường phái phân bố luận Mỹ, học trò trực tiếp của Z.S.Harris. Dần dần, ông nhận ra những hạn chế của ngôn ngữ học cấu trúc Mĩ.

Trước hết, trong khuôn khổ của ngôn ngữ học cấu trúc Mĩ, không có quan niệm về hệ đối vị trong cú pháp, mặc dù ở âm vị học và hình thái học đã xây dựng được một quan niệm như vậy. Thứ hai, có rất nhiều hiện tượng mà ngôn ngữ học cấu trúc Mĩ không thể giải thích được. Chẳng hạn, một đứa trẻ có thể nắm vững tiếng mẹ đẻ khi mới 5, 6 tuổi. Đứa trẻ có thể nói ra những câu mà nó chưa bao giờ nói, cũng có thể nghe hiểu những câu mà nó chưa bao giờ nghe. Mặt khác, nếu quan niệm ngôn ngữ là tập hợp tất cả các phát ngôn của nó thì về lí thuyết có thể có một số lượng vô hạn các phát ngôn, mà trí nhớ của con người

lại hữu hạn, không thể lưu giữ quá nhiều phát ngôn. Vì thế, dù miêu tả ngôn ngữ tường tận thế nào chăng nữa con người vẫn không thể hiểu được bản chất của ngôn ngữ.

Chomsky đã xây dựng một lí thuyết mới: *Lí thuyết cải biến - tạo sinh*.

Vì sao gọi là *ngôn ngữ học cải biến* (hay *ngữ pháp cải biến*)?

Theo Chomsky, để đưa hệ đối vị vào cú pháp học, cần phải xây dựng một quan niệm mà theo đó giữa các câu có thể thiết lập những mối quan hệ nhất định trong hệ thống. Ông giải thích các quan hệ đối vị trong cú pháp như sau: tất cả các câu đang tồn tại và về nguyên tắc có thể tồn tại được chia thành hai lớp không đều nhau - các câu lỗi và các câu phái sinh. Câu lỗi là những câu không thể thu được bằng cách biến đổi và/ hoặc tổ hợp các câu bất kì nào khác. Thí dụ: *Nó ngủ* là một câu lỗi; *Nó không ngủ* là một câu phái sinh, bởi vì *Nó không ngủ* được tạo ra từ câu *Nó ngủ*, theo một quy tắc riêng là quy tắc bổ sung phủ định. Câu *Công nhân xây ngôi nhà* là câu lỗi; còn câu *Ngôi nhà được công nhân xây* là câu phái sinh. Quy tắc cải biến hay các phép cải biến chính là các quy tắc được dùng để tạo ra các câu phái sinh từ các câu lỗi.

Vì sao gọi là *ngôn ngữ học tạo sinh* hay *ngữ pháp tạo sinh*?

Theo Chomsky, hiện tượng chúng ta thường xuyên tạo ra và hiểu được những câu hoàn toàn mới chính là biểu hiện của bình diện sáng tạo của ngôn ngữ. Cái mà mỗi người nắm được khi biết ngôn ngữ không phải là một tập hợp các câu, mà là một hệ thống các quy tắc bảo đảm khả năng tạo ra và hiểu được tất cả các câu có thể có trong ngôn ngữ ấy. Lí thuyết của Chomsky nhằm vào giải thích các câu được tạo sinh ra như thế nào nên nó mới được gọi là ngôn ngữ học tạo sinh hay ngữ pháp tạo sinh. Lí thuyết của Chomsky nhằm vào tri thức của người bản ngữ chứ không phải các quá trình tạo ra và tiếp thu các câu thực tế, cho nên việc tạo sinh ra một câu là xác định đặc trưng cấu trúc của nó. Để xác định đặc trưng cấu trúc của câu phải chỉ ra được một số đơn vị và các quy tắc sử dụng chúng mà đặc trưng của những câu đang xét được xác định thông qua các đơn vị và quy tắc này. Như thế, câu đang xét được miêu tả bằng những đối tượng đơn giản hơn, những đối tượng này có tác dụng qua lại với nhau theo những quy tắc nhất định. Ngữ pháp cải biến - tạo sinh đặt mục tiêu miêu tả theo các quy tắc chứa đựng khả năng sáng tạo của người nói bản ngữ để tạo ra và hiểu biết một số lượng vô hạn các câu mà trước đó họ chưa bao giờ nói hoặc nghe thấy, thông qua tính có sẵn của quy tắc hồi quy (recursive rules). Trẻ con học được trong số những lời nói hữu hạn một hệ thống kiến thức ngữ pháp hoàn chỉnh, dùng phương pháp hữu hạn để biểu đạt tư tưởng vô hạn.

Lí thuyết cải biến - tạo sinh của Chomsky được hoàn thiện dần trong suốt 30 năm và hiện nay vẫn đang tiếp tục phát triển. Tính chất mới mẻ, cách mạng trong lí thuyết của ông không phải ngay từ đầu đã được hoan nghênh. Một giáo sư phản biện đã nhận xét luận án tiến sĩ có nhan đề *Phép phân tích cải biến* của ông như sau: “Tôi không biết luận án này thuộc lĩnh vực gì, nhưng chắc chắn đây không phải là ngôn ngữ học”¹. Và công trình *Các cấu trúc cú pháp* (*Syntactic structures*), lí thuyết ngôn ngữ đầu tiên của Chomsky, đã không được xuất bản ở Mỹ mà chỉ được Nhà xuất bản Mouton ở Hà Lan ấn hành năm 1957, thế giới biết đến ông nhờ bài giới thiệu và bình luận dài của Robert Lees trên tạp chí *Language*.

Các nhà ngôn ngữ học chia lí thuyết của Chomsky thành ba giai đoạn phát triển tiếp nối nhau: Từ năm 1957 đến năm 1965 được gọi là thời kì *Mô hình ngôn ngữ thứ nhất* (*The First Linguistic Model*); Từ 1965 đến 1970 là thời kì *Lí thuyết chuẩn* (*Standard Theory*); Từ 1970 trở đi là thời kì *Lí thuyết chuẩn mở rộng* (*Extended Standard Theory*). Nội dung chủ yếu của *Mô hình ngôn ngữ thứ nhất* được trình bày trong cuốn *Các cấu trúc cú pháp* (*Syntactic structures*), xuất bản ở Hà Lan năm 1957. Nội dung của *Lí thuyết chuẩn* được trình bày trong cuốn *Các bình diện của lí thuyết cú pháp* (*Aspects of the Theory of Syntax*) xuất bản năm 1966. *Lí thuyết chuẩn mở rộng* được thể hiện trong các công trình như: *Suy nghĩ về ngôn ngữ* (*Reflections on Language*) xuất bản năm 1975, *Các quy tắc và sự biểu hiện*

(*Rules and Representations*) xuất bản năm 1980, *Thuyết trình về chi phối và ràng buộc* (*Lectures on Government and Binding*) xuất bản năm 1981, *Các nguyên tắc và các tham biến trong lý thuyết cú pháp* (*Principles and Parameters in Syntactic Theory*) xuất bản năm 1981, *Chương trình tối thiểu luận* (*The Minimalist Program*) xuất bản năm 1995.

Quá trình điều chỉnh của lý thuyết này phản ánh ở sự thay đổi của những nhan đề được gán cho nó: *ngữ pháp cải biến* (*transformational grammar*), *ngữ pháp cải biến - tạo sinh* (*transformational - generative grammar*); *ngữ pháp* (hay *ngôn ngữ học*) *tạo sinh* (*generative grammar* (or *linguistics*)).

Sự ra đời của ngôn ngữ học tạo sinh được coi là một cuộc cách mạng trong ngôn ngữ học. Nhiều nhà ngôn ngữ học cho rằng ngôn ngữ học tiền Chomsky chủ yếu là khoa học miêu tả và chỉ sự ra đời của ngữ pháp tạo sinh thì ngôn ngữ học mới có được tiềm năng giải thích. John Lyons, một nhà ngôn ngữ học nổi tiếng người Anh đã nhận xét: “Bất luận lý luận ngữ pháp của Chomsky có chính xác hay không thì rõ ràng đó vẫn là lý luận ngữ pháp có sức sống nhất, có ảnh hưởng nhất hiện nay. Bất kì một nhà ngôn ngữ học nào nếu không muốn tụt hậu trong xu thế phát triển của ngôn ngữ học đều không thể xem nhẹ cách xây dựng lý luận của Chomsky”². Lý thuyết của Chomsky đã mở ra một hướng mới cho ngôn ngữ học, đã giúp cho các nhà khoa học xem xét lại tính chất của ngôn ngữ và nhiệm vụ của ngôn ngữ học.

Tuy nhiên, không phải không có người phản đối lý thuyết ngôn ngữ học của Chomsky. Một số nhà ngôn ngữ học Nga cho rằng “lý thuyết của Chomsky không phải là một sự tiến lên mà là một bước giật lùi, quay trở về với những quan niệm đã lụi tàn của những thế kỉ đã qua, một bước đi, suy cho cùng đã kìm hãm một cách bệnh hoạn sự tiến bộ của ngành khoa học về ngôn ngữ”³.

Qua nhận xét trên đây, phải chăng đã có hiện tượng “ông nói gà bà nói vịt”. Để hiểu đúng N.Chomsky, trước hết cần làm sáng tỏ đối tượng và mục đích nghiên cứu của ông.

Đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học, theo quan điểm của Chomsky, là *ngữ năng* (*competence*) chứ không phải là *lời nói* hay *hành vi ngôn ngữ*. Nghiên cứu ngữ năng là để xây dựng ngữ pháp tạo sinh phản ánh năng lực ngôn ngữ. Ngôn ngữ học tạo sinh không phải là mô hình của quá trình nói mà là mô hình của năng lực ngôn ngữ, là sự miêu tả hình thức hóa năng lực ngôn ngữ, dùng một loạt công thức để biểu đạt nội dung của nó. Ngôn ngữ học tạo sinh không hạn chế ở việc nghiên cứu ngôn ngữ cá biệt mà nghiên cứu tính thống nhất giữa ngữ pháp cá biệt với ngữ pháp phổ quát. Kết quả của ngôn ngữ học tạo sinh không phải là miêu tả ngôn ngữ cụ thể, nó lấy ngôn ngữ cụ thể làm điểm xuất phát để tìm ra quy luật chung của ngôn ngữ, cuối cùng làm sáng tỏ hệ thống nhận thức của con người, quy luật tư duy và thuộc tính bản chất của con người.

Mục đích của ngôn ngữ học tạo sinh là minh họa tri thức hàm ẩn về ngôn ngữ trên cơ sở cách dùng ngôn ngữ hiện đương. Theo Chomsky, trước hết, một ngôn ngữ có thể được hiểu là bao gồm một tập hợp vô hạn của các câu và ngữ pháp của ngôn ngữ đó là một hệ thống hữu hạn các quy tắc miêu tả cấu trúc của bất cứ thành viên nào của tập hợp vô hạn các câu đó. Quan điểm này gắn bó chặt chẽ với khái niệm *ngữ pháp ngữ năng* (*competence grammar*): ngữ pháp làm vật mẫu của tri thức của người nói ngôn ngữ và phản ánh khả năng sản sinh hoặc sáng tạo của nó để xây dựng và hiểu các câu nhiều vô hạn của ngôn ngữ đó, bao gồm cả những câu mà nó chưa bao giờ bắt gặp. Thứ hai, ngữ pháp của một ngôn ngữ riêng biệt sẽ được lĩnh hội như một tập hợp các quy tắc được hình thức hóa theo thuật ngữ của tập hợp các nguyên lý toán học nào đó, các quy tắc đó sẽ không chỉ giải thích hoặc sinh ra các chuỗi từ tạo thành các câu của ngôn ngữ mà còn phân cho mỗi câu một sự miêu tả ngữ pháp thích hợp. Năng lực của một ngữ pháp chỉ để tạo ra các câu của ngôn ngữ là khả năng tạo sinh yếu của nó; năng lực liên kết mỗi câu với một sự miêu tả ngữ pháp thích hợp là khả năng tạo sinh mạnh. Thứ ba là bản chất phổ quát của các nguyên lý chế định các ngữ pháp có thể có đối với bất cứ ngôn ngữ nào và do đó định rõ các giới hạn mà ngữ pháp của bất cứ ngôn ngữ nào cũng sẽ phải loại ra.

Như vậy, Chomsky và những người theo đường hướng ngôn ngữ học tạo sinh đã xem xét ngôn ngữ “từ

bên trong” (from inside), khác hẳn với L.Bloomfield và những người theo phân bố luận xem xét ngôn ngữ “từ bên ngoài” (from outside), như là một quá trình tự nhiên, và phải quan tâm đặc biệt đến các hiện tượng rõ ràng có sẵn trong nói và viết. Do quan điểm “từ bên trong” nên Chomsky có thể dựa vào những quy định và những phản ứng cần thiết có tính chất cá nhân con người, được người nói - nghe biết một cách trực tiếp và chỉ được suy diễn trong những người khác từ lời nói và các hành vi khác của họ. Nói chung, chứng cứ về cơ bản là việc tự vấn có thể được chấp nhận trên giá trị bề mặt từ chính mình và từ những người khác. Theo Chomsky, chính ngôn ngữ là chiếc chìa khóa mở ra sự hiểu biết một phần của trí tuệ con người. Chomsky coi ngôn ngữ học như một ngành của tâm lý học tri nhận.

CHÚ THÍCH

¹ Dẫn theo Nguyễn Đức Dân, Noam Chomsky trong *Ngôn ngữ học: Khuynh hướng - lĩnh vực - khái niệm*, Tập 1, Nxb KHXH, H., 1984, tr.169.

² Dẫn theo Lưu Nhuận Thanh, Các trường phái ngôn ngữ học phương Tây (*Đào Hà Ninh dịch*), Nxb Lao động, H., 2004, tr.341.

³ Xem: Những cơ sở triết học trong ngôn ngữ học (*Trúc Thanh dịch*), Nxb GD, H., 1984, tr.263.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Noam Chomsky, *Những chân trời mới trong nghiên cứu ngôn ngữ và ý thức*, (Hoàng Văn Vân dịch), Nxb GD, H., 2007.

2. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ pháp tạo sinh*, trong *Ngôn ngữ học: khuynh hướng, khái niệm, lĩnh vực*, Nxb KHXH, H., 1984, tr.96 - 119.

3. Nguyễn Đức Dân, *Chomsky Noam*, trong *Ngôn ngữ học: khuynh hướng, khái niệm, lĩnh vực*, Nxb KHXH, H., 1984, tr.168 - 172.

4. Nguyễn Đức Dân, *Avram Noam Chomsky: “người có trí tuệ nhất thế giới”*, T/c Từ điển học và Bách khoa thư, Số 5, 2011.

5. Nguyễn Thiện Giáp, *Giáo trình ngôn ngữ học*, Nxb ĐHQG, H., 2008.

6. Nguyễn Thiện Giáp, *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb ĐHQG, H., 2010.

7. Lưu Nhuận Thanh, *Các trường phái ngôn ngữ học phương Tây*, (Đào Hà Ninh dịch), Nxb Lao động, H., 2004.

8. *Những cơ sở triết học trong ngôn ngữ học* (Trúc Thanh dịch), Nxb GD, H., 1984.

9. R.H.Robins, *Lược sử ngôn ngữ học*, (Hoàng Văn Vân dịch), Nxb ĐHQG, H., 2003.

10. *The Linguistics, Encyclopedia*, Edited by Kirsten Malmkj Ær, London and New York, 1995.

SUMMARY

This paper introduces N. Chomsky's generative grammar. It reviews the formation, object and targets of that grammar. According to N. Chomsky's idea, competence but not utterance is object of his linguistics. Chomskyan linguistics analyses syntactic structures of language in order to build a grammar representing human's competence. It is called generative grammar that studies grammar as a body of knowledge possessed by language users. Based on utterance, generative grammar studies and illustrates language users' innate knowledge.